TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2020/DS-ST
Ngày: 10-11-2020
V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Mạnh Hải
Bà Trần Thị Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 569/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 282/2020/QĐHPT-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Trần Thế T, sinh năm: 1985, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T1, trú tại: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 13817 ngày 27 tháng 9 năm 2019). (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Ngô Minh H, sinh năm: 1961, địa chỉ cư trú: Đường G, Phường H, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Thùy T2, sinh năm: 1963, địa chỉ cư trú: Phường I, thành phố K, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T1 trình bày: Vào ngày 09/02/2018, ông T và vợ chồng ông H, bà T2 có ký kết hợp đồng vay tiền số 002592, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Lê Thị Phương Liên. Theo nội dung hợp đồng vay tiền thì ông H và bà T2 vay ông T số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật, mục đích vay là xây nhà. Ông H, bà T2 đã nhận đủ số tiền vay 2.500.000.000 đồng.

Sau khi hết thời hạn vay, ông H và bà T2 không thực hiện đúng các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng vay tiền, không trả tiền nợ gốc và nợ lãi.

Ông T khởi kiện yêu cầu ông H, bà T2 phải trả lại số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng và tiền nợ lãi tạm tính là 2.500.000.000 đồng x 1%/tháng x 20 tháng = 500.000.000 đồng, tổng cộng: 3.000.000.000 đồng.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn có nộp đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ: Ông Ngô Minh H".

Tại phiên tòa, ông T1 yêu cầu ông H, bà T2 phải trả lại cho ông T số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ 09/3/2018 đến 09/11/2020 là 2.500.000.000 đồng x 10%/năm x 32 tháng = 666.666.666 đồng, tổng cộng: 3.166.666.666 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ: Ông Ngô Minh H".

Ngoài ra, nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H, bà T2 không đến Tòa án để giải quyết nên Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt ông H, bà T2 theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân năm 2015 về thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định tư cách tố tụng; thu thập chứng cứ; thủ tục hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; thời hạn chuẩn bị xét xử; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát; thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Buộc ông Ngô Minh H, bà Nguyễn Thị Thùy T2 có trách nhiệm trả cho ông Trần Thế T số tiền nợ gốc: 2.500.000.000 đồng và tiền nợ lãi: 666.666.666 đồng, tổng cộng: 3.166.666.666 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại số: Đường G, Phường H, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Do đương sự: Ông H, bà T2 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Thế T thấy rằng, căn cứ vào hợp đồng vay tiền số 002592, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/02/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Thị Phương Liên ghi bên cho vay là ông Trần Thế T, bên vay là ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Thùy T2, số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng thì việc ông T khởi kiện yêu cầu ông H, bà T2 thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở để xem xét. Sau khi vay tiền của ông T thì ông H, bà T2 phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nhưng ông H, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là vi phạm Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng đã ký kết. Do đó, ông T yêu cầu ông H, bà T2 phải hoàn trả số tiền nợ gốc: 2.500.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ 09/3/2018 đến 09/11/2020 là 2.500.000.000 đồng x 10%/năm x 32 tháng = 666.666.666 đồng, tổng cộng: 3.166.666.666 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nghĩ buộc ông H, bà T2 trả cho ông T số tiền nợ gốc: 2.500.000.000 đồng và tiền nợ lãi: 666.666.666 đồng, tổng cộng: 3.166.666.666 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

là thỏa đáng và phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Đối với đề nghị tiếp tục Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 18/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04 tháng 10 năm 2019 "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ: Ông Ngô Minh H" được chấp nhận vì để đảm bảo thi hành án.

[4]. Về án phí Tòa án: Ông H và bà T2 phải trả cho ông T số tiền 3.166.666.666 đồng nên phải chịu án phí là 72.000.000 + 1.166.666.666 x 2% = 95.333.333 đồng.

Hoàn lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí là 46.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0001718 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Thế T.

1. Buộc ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Thùy T2 có trách nhiệm trả cho ông Trần Thế T số tiền nợ gốc: 2.500.000.000 đồng và tiền nợ lãi: 666.666.666 đồng, tổng cộng: 3.166.666.666 (Ba tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Tòa án: Ông Ngô Minh H và bà Nguyễn Thị Thùy T2 phải chịu 95.333.333 (Chín mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho ông Trần Thế T số tiền tạm ứng án phí là 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0001718 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường